

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TMT24B4**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH02231**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Tin học**

Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2454801020746	Nguyễn Quốc	Duy	09/09/2009			9	9.5				9.5		9.4
2	2454801020747	Trần Nguyễn Thanh	Duy	18/10/2009			8.5	9.0				8.0		8.3
3	2454801020748	Trần Tiến	Đạt	03/03/2009			8.5	9.0				5.3		6.7
4	2454801020749	Nguyễn Thành	Đức	29/03/2009			9	9.5				8.0		8.5
5	2454801020750	Phùng Thị Ngọc	Giàu	16/12/2009			9	9.0				7.8		8.3
6	2454801020751	Nguyễn Phi	Gô	04/02/2009			0	0.0				0.0	0.0	0.0
7	2454801020752	Dương Văn	Hậu	10/06/2009			8.5	9.0				9.3		9.1
8	2454801020753	Nguyễn Văn Phúc	Hậu	25/01/2009			8.5	9.0				9.5		9.2
9	2454801020754	Trương Bảo	Hoàng	03/09/2008			9	9.0				9.8		9.5
10	2454801020755	Nguyễn Thanh	Hồ	29/04/2009			0	0.0				0.0	0.0	0.0
11	2454801020756	Trần Quốc	Huy	18/05/2009			9.5	9.0				0.0		3.7
12	2454801020757	Phan Thanh	Khải	25/02/2009			9.5	9.0				6.5		7.6
13	2454801020758	Đặng Thành	Khang	25/11/2009			9	9.5				9.3		9.3
14	2454801020759	Đỗ Tuấn	Khang	21/04/2009			9.5	9.5				9.8		9.7
15	2454801020760	Phan Thanh	Khang	28/09/2005			9	9.5				8.8		9.0
16	2454801020761	Trần Tuấn	Khanh	10/11/2009			0	0.0				0.0	0.0	0.0
17	2454801020762	Võ Nguyên	Khoa	18/11/2008			9.5	9.5				8.0		8.6
18	2454801020763	Mai Trúc	Lam	10/03/2009			9	9.5				7.3		8.1
19	2454801020764	Nguyễn Thành Hiếu	Nghĩa	28/11/2008			8.5	9.5				7.5		8.2
20	2454801020765	Nguyễn Lê Bảo	Nguyên	09/12/2009			8.5	9.0				8.3		8.5
21	2454801020766	Đặng Minh	Nhi	20/07/2009			0	0.0				0.0	0.0	0.0
22	2454801020767	Lê Thành	Nhuận	24/11/2009			9.5	9.5				9.0		9.2
23	2454801020768	Nguyễn Bảo Hồng	Phúc	16/10/2009			9.5	9.5				9.0		9.2
24	2454801020769	Bùi Minh	Quân	18/10/2008			9.5	9.5				8.8		9.1
25	2454801020770	Trần Đồng Minh	Quân	15/01/2008			9	9.0				9.5		9.3
26	2454801020771	Phan Văn	Quyển	12/02/2009			9	9.5				9.5		9.4
27	2454801020772	Ngô Bảo	Sang	02/02/2009			9.5	9.5				9.8		9.7
28	2454801020773	Nguyễn Văn Bảo	Tài	04/05/2009			9	9.5				9.5		9.4
29	2454801020774	Nguyễn Thành	Tâm	25/06/2009			8.5	9.0				7.5		8.0
30	2454801020775	Trần Minh	Tấn	09/06/2009			9	9.5				9.0		9.1
31	2454801020776	Nguyễn Thị Phương	Thảo	18/07/2009			9.5	9.5				7.5		8.3
32	2454801020777	Lai Thị Anh	Thơ	07/08/2009			9.5	9.5				7.5		8.3
33	2454801020778	Nguyễn Trung	Tín	14/08/2009			9.5	9.5				9.0		9.2
34	2454801020779	Hồ Hữu	Tính	30/12/2009			8.5	9.5				0.0		3.7
35	2454801020780	Lâm Bảo	Toàn	02/10/2009			8.5	9.5				9.0		9.1
36	2454801020781	Dương Phát	Triển	28/01/2009			9.5	9.5				9.0		9.2

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
37	2454801020782	Nguyễn Thị Tường Vy	30/03/2008				8.5	9.5				0.0		3.7
38	2454801020783	Nguyễn Hoàng Như Ý	15/12/2009				8.5	9.5				8.8		8.9

Châu Đốc, ngày 5 tháng 2 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Ngô Văn Sang